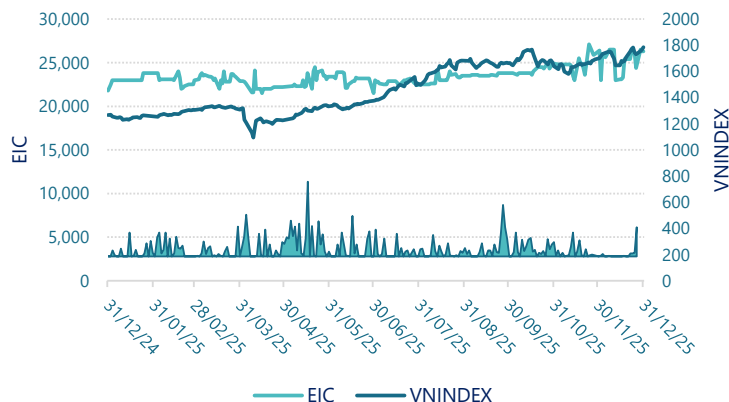




CTCP EVN Quốc tế (UPCOM: EIC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	26,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,500
SL cổ phiếu LH	36,677,145
KLGD BQ 20 phiên (CP)	520
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	965
P/E	17.8
EPS	1,477

DT thuần

Q4/25

8.42

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.15 | 3019%

YoY: ▲ 2.04 | 32.0%

LN sau thuế

Q4/25

12.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.2 | 30287%

YoY: ▲ 11.7 | 2542%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

465%

+/- YoY: ▲ 5.1%

DT thuần

2025

11.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.60 | 6.1%

LN sau thuế

2025

54.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.70 | 7.3%

ROE

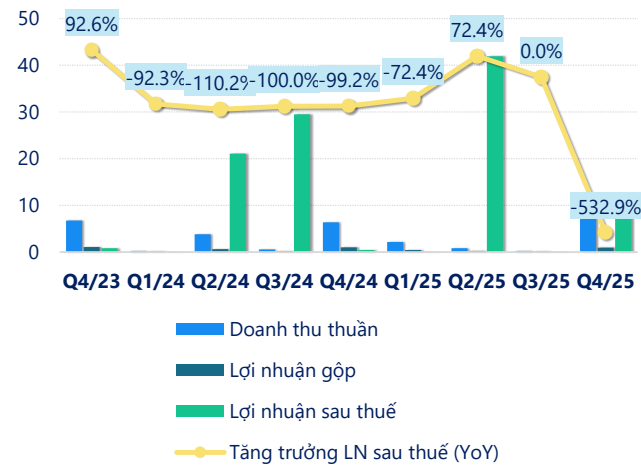
2025

13.0%

+/- YoY: ▲ 0.7%

tỷ VNĐ

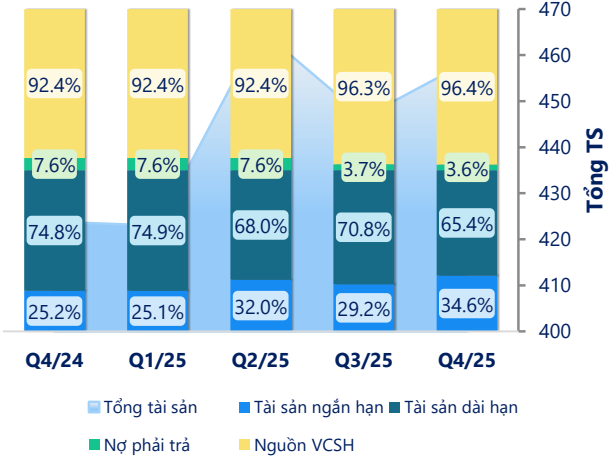
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

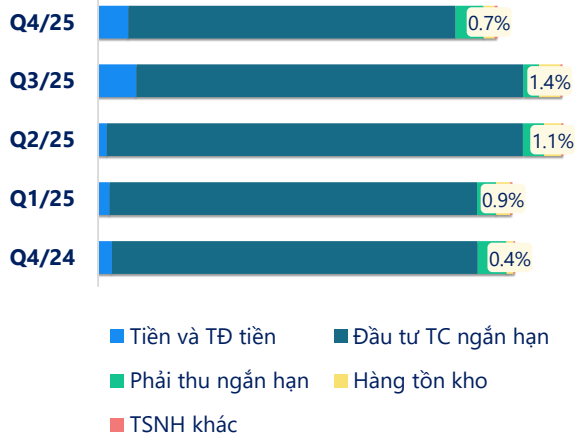
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



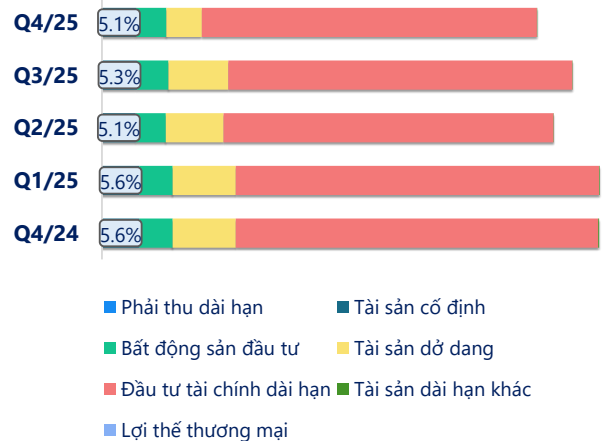
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

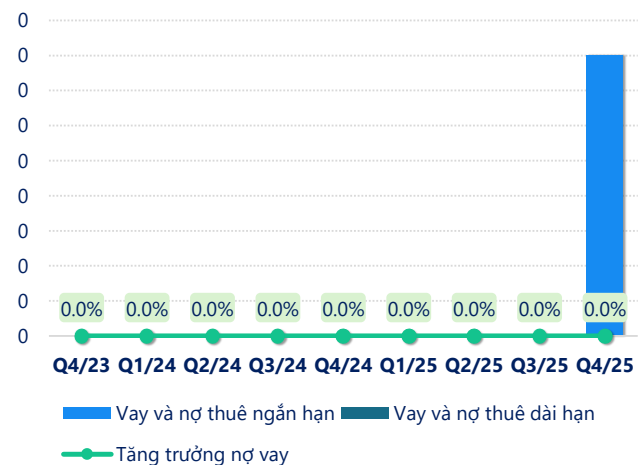
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

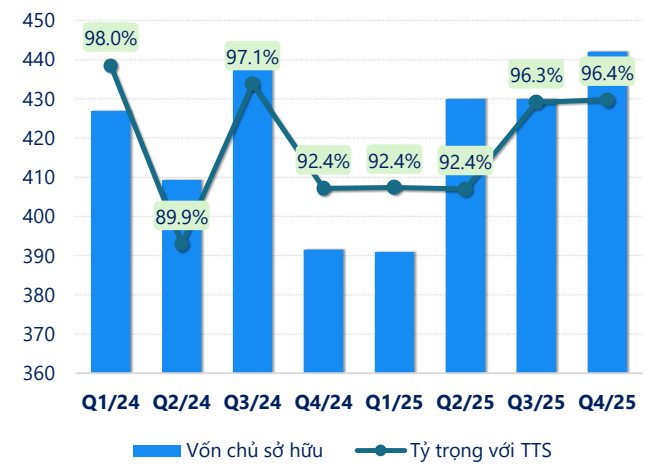
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

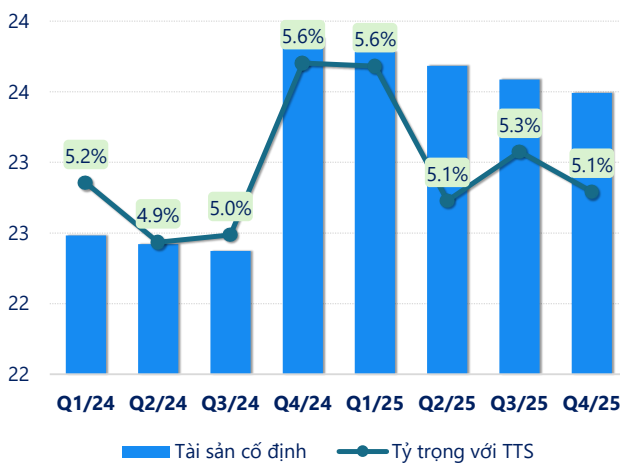

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

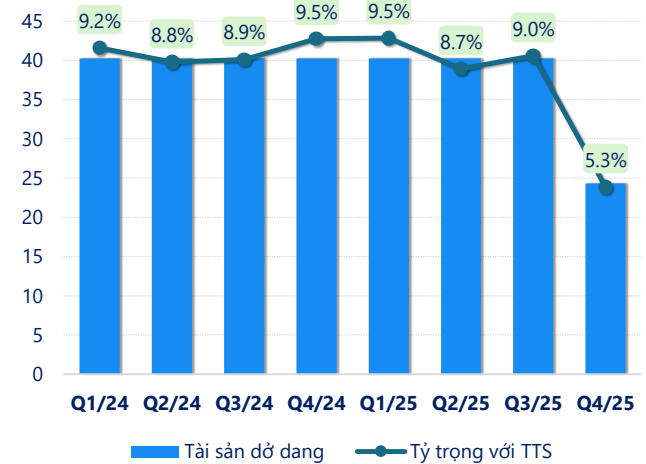

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

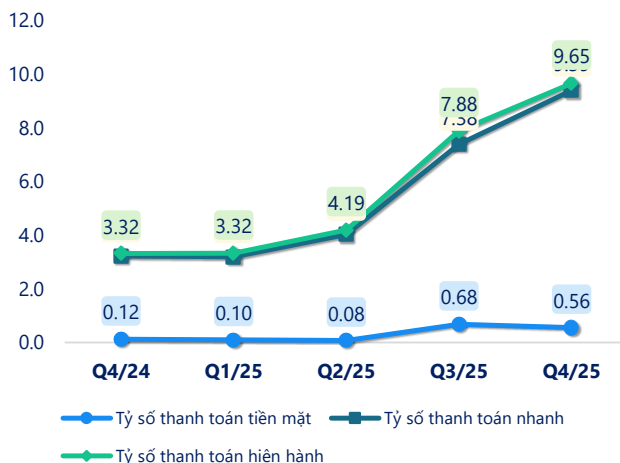
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

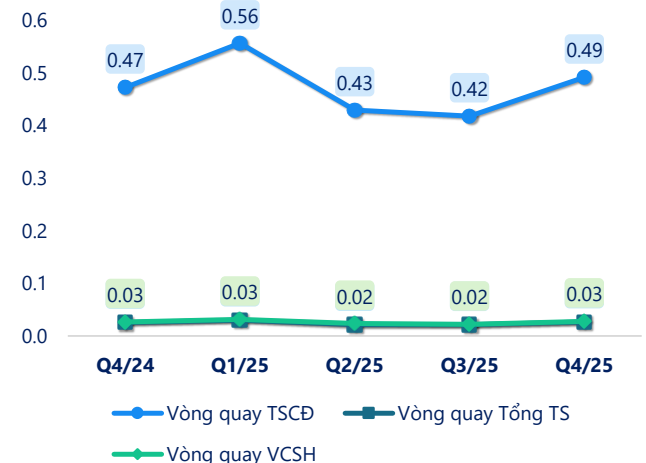
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	424	423	465	447	458
Tài sản ngắn hạn	107	106	149	130	158
Tiền và tương đương tiền	3.82	3.18	2.69	11.2	9.15
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.2	89.7	132	105	135
Phải thu ngắn hạn	7.92	8.64	7.93	5.97	9.58
Hàng tồn kho	3.02	4.06	5.94	8.34	4.29
Tài sản ngắn hạn khác	0.85	0.69	0.51	0.37	0.30
Tài sản dài hạn	317	317	316	316	300
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	23.9	23.8	23.7	23.6	23.5
Bất động sản đầu tư	21.2	21.2	21.1	21.1	21.1
Tài sản dở dang	40.3	40.3	40.3	40.3	24.3
Đầu tư tài chính dài hạn	231	231	231	231	231
Tài sản dài hạn khác	0.51	0.35	0.20	0.05	0.01
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	32.3	32.0	35.6	16.6	16.4
Nợ ngắn hạn	32.2	32.0	35.5	16.5	16.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0.00
Phải trả người bán ngắn hạn	0.52	0.51	0.51	0.51	0.74
Nợ dài hạn	0.04	0.04	0.02	0.02	0.04
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	392	391	430	430	442
Vốn chủ sở hữu	392	391	430	430	442
Vốn điều lệ	367	367	367	367	367
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)